

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

LÍ DO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH GẶP KHÓ KHĂN TRONG VIỆC HỌC KỸ NĂNG NÓI

LÊ MAI VÂN* - HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG**

TÓM TẮT: Hiện nay, tiếng Anh ngày càng trở nên quan trọng và cần thiết trong xu thế toàn cầu hóa. Năng lực giao tiếp tiếng Anh đang được quan tâm hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, để thành thạo tốt năng lực này không phải là điều dễ dàng. Nghiên cứu nhằm tìm ra những khó khăn trong việc học kỹ năng nói của sinh viên không chuyên Anh tại một trường đại học công lập ở Việt Nam với hi vọng giúp các sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh học kỹ năng nói tiếng Anh tốt hơn trong các học kì tiếp theo cũng như đóng góp vào kiến thức gần đây về lĩnh vực này cho các nghiên cứu tương tự trong tương lai. Số liệu được thu thập từ bảng câu hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc với giáo viên tiếng Anh. Kết quả từ bảng câu hỏi dành cho giáo viên cho thấy các yếu tố gồm: phong cách học tập thụ động của sinh viên, sự lười biếng, động lực học tập và trình độ tiếng Anh thấp của sinh viên (bao gồm không đủ từ vựng, cấu trúc, phát âm kém, trọng âm và ngữ điệu), lớp học đông và đa cấp độ là những nguyên nhân chính gây khó khăn cho việc học kỹ năng nói của sinh viên. Từ đó đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng giảng dạy nhằm cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên không chuyên.

TỪ KHÓA: khó khăn; kỹ năng nói; sinh viên không chuyên tiếng Anh; năng lực giao tiếp.

NHẬN BÀI: 28/10/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 16/12/2022

1. Đặt vấn đề

Những khó khăn trong việc học nói tiếng Anh của sinh viên là một chủ đề luôn thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu về giáo dục và các giáo viên dạy tiếng Anh. Với hi vọng giúp sinh viên có được năng lực tiếng Anh tốt, đặc biệt là khả năng nói tiếng Anh để có được cơ hội việc làm tốt sau khi tốt nghiệp, phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp trong giảng dạy và học tập cho cả sinh viên chính quy và không chính quy đã được áp dụng rộng rãi ở các trường đại học ở Việt Nam (Le & Hoang, 2014). Trong số bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc và viết), kỹ năng nói được đặc biệt chú trọng. Tuy nhiên, đây cũng là kỹ năng mà sinh viên gặp khó khăn nhiều nhất trong quá trình học ngoại ngữ này. Mặc dù sinh viên có thể làm bài tập ngữ pháp rất tốt, có thể sử dụng thành thạo khá nhiều từ ngữ, cấu trúc mới nhưng các em vẫn không thể vận dụng chúng trong việc học kỹ năng nói rất tốt. Đó là một trong những lý do tại sao nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu tìm ra những khó khăn phổ biến trong việc học kỹ năng nói và một số giải pháp đề xuất cho vấn đề này. Hơn nữa, có khá nhiều nghiên cứu về việc học kỹ năng nói tiếng Anh và những khó khăn trong việc học kỹ năng này; tuy nhiên, vẫn có ít nghiên cứu về những khó khăn trong việc học kỹ năng nói của sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh mặc dù là một trường đại học công lập ở Việt Nam và số lượng sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh khá đông. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm ra những khó khăn phổ biến trong việc học kỹ năng này của các sinh viên, từ đó giúp cải thiện tình hình trong các học kì tiếp theo cũng như giúp các giáo viên dạy tiếng Anh.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khó khăn từ phía giáo viên khi dạy kỹ năng nói

a. Quan niệm sai lầm của giáo viên về giảng dạy tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp (Communicative language teaching - CLT)

Theo Thompson (1994), các giáo viên gặp khó khăn trong việc áp dụng CLT một cách hiệu quả trong lớp học ngoại ngữ cũng như chưa hiểu chưa đúng về CLT trong bốn khía cạnh sau: thứ nhất là CLT có nghĩa là không dạy ngữ pháp, thứ hai là CLT có nghĩa là chỉ dạy nói, thứ ba là CLT có nghĩa là làm việc theo cặp, có nghĩa là đóng vai, cuối cùng là CLT có nghĩa là mong đợi quá nhiều từ các giáo viên. Những quan niệm sai lầm này dẫn đến phương pháp giảng dạy của giáo viên không phù hợp và không hiệu quả.

b. Phương pháp giảng dạy của giáo viên không phù hợp

* TS; Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: lemaivan@haui.edu.vn

** Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: hoangthihuonggiang@haui.edu.vn

- Thời gian nói của giáo viên:

Nunan (1991) cho rằng, một phương pháp giảng dạy không phù hợp đó là thời lượng nói của giáo viên trong lớp. Ông tuyên bố: "Thời lượng nói của giáo viên có tầm quan trọng rất lớn, không chỉ đối với việc tổ chức lớp học mà còn đối với các quá trình tiếp thu ngôn ngữ của người học." Tuy nhiên, điều này đã được chứng minh trong rất nhiều nghiên cứu rằng giáo viên có xu hướng chiếm hơn 70% tổng số thời lượng nói trong lớp học Cook (2000). Khi thời gian giáo viên nói chiếm ưu thế trong lớp học, sinh viên sẽ ít có cơ hội để thực hành ngôn ngữ hơn nữa và do đó họ không thể phát triển khả năng ngôn ngữ của mình như mong đợi.

- Phương pháp chữa lỗi của giáo viên:

Theo Brown (2007), lỗi của sinh viên là bằng chứng quan trọng để cho thấy cách các sinh viên tiếp thu ngôn ngữ thông qua các chiến lược nói nhất định. Một số nhà nghiên cứu cho rằng việc chữa lỗi khi nói cho người học cần phải được thực hiện một cách nhẹ nhàng, khéo léo và phù hợp trong khi những người khác ủng hộ thái độ quyết đoán, khuyến khích và thẳng thắn trong quá trình sửa lỗi. Ur (2000) ủng hộ quan điểm rằng sinh viên sau này có thể mất tự tin và cảm thấy thất vọng nếu giáo viên sửa lỗi của họ một cách vô cảm hoặc không khéo léo. Giáo viên cần nhanh nhạy, khéo léo khi chỉnh sửa để sinh viên nhận ra lỗi của mình, nhận ra lỗi và sửa thoải mái mà không có bất kì cảm giác tiêu cực nào khiến sinh viên ngại ngùng, xấu hổ.

- Vai trò của giáo viên trong lớp học không phù hợp:

Vai trò của giáo viên trong lớp học đã có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, trong phương pháp CLT, có một điều chắc chắn rằng, sinh viên là trung tâm của lớp học ngôn ngữ, không phải là giáo viên. Tuy nhiên, giáo viên đóng vai trò quan trọng trong lớp học. Vai trò của giáo viên có thể ảnh hưởng đến thành công hoặc thất bại của lớp học. Harmer (1999), đề xuất một trong những quan niệm rõ ràng nhất về vai trò của giáo viên trong lớp CLT là giáo viên có thể đóng một vai trò như: một người kiểm soát, một người tổ chức, một người đánh giá, một người nhắc nhở, một người tham gia, một nguồn lực, một gia sư và một người quan sát (tr.57).

Byrner (1986) chỉ ra vai trò của giáo viên theo ba giai đoạn của việc dạy nói: giai đoạn thuyết trình, giai đoạn thực hành và giai đoạn thực hiện (tr.2). Ở giai đoạn đầu tiên, giáo viên đóng vai trò là người cung cấp thông tin, chuẩn bị tài liệu và trình bày ngôn ngữ cho sinh viên. Ở giai đoạn này, giáo viên nên cần thận quản lí thời gian để sinh viên có đủ thời gian cho các hoạt động quan trọng khác. Ở giai đoạn thứ hai, giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn nên cần phải cố gắng cho tất cả sinh viên có càng nhiều thời gian càng tốt để thực hành ngôn ngữ được trình bày. Ở giai đoạn cuối, giáo viên đóng vai trò là người quản lí và hướng dẫn. Sinh viên được khuyến khích sử dụng ngôn ngữ một cách tự do mặc dù có thể mắc nhiều sai lầm. Giáo viên nên đảm bảo rằng sinh viên sử dụng ngôn ngữ để nói chuyện một cách tự do. Giáo viên sẽ nhận xét về hoạt động nói của sinh viên vào cuối bài thuyết trình của họ.

2.2. Khó khăn của sinh viên trong việc học kĩ năng nói

Có nhiều ý kiến khác nhau về những khó khăn từ sinh viên trong việc học một ngoại ngữ nói chung và học kĩ năng nói nói riêng.

Nunan (1999) chỉ ra rằng, sự thiếu động lực của sinh viên là một trong những yếu tố gây ra khó khăn trong việc học kĩ năng nói. Thiếu động lực là do thiếu nhận thức về sự tiến bộ, dạy học không có cốt lõi, nhàm chán, thiếu tài liệu liên quan, thiếu kiến thức về mục tiêu của chương trình giảng dạy, thiếu phản hồi phù hợp. Giáo viên thường thấy rằng rất khó để tạo động lực cho sinh viên trong việc học tập năng lực giao tiếp.

Tsui (1996) gợi ý năm yếu tố để xác định sự do dự của người học khi nói chuyện trong lớp: "*nỗi sợ hãi của sinh viên về việc mắc lỗi và mất mặt trước bạn bè, ý kiến thấp của sinh viên về mức độ thành thạo của bản thân, sự im lặng không khoan nhượng của giáo viên, sự tham gia không đồng đều và đầu vào không hiệu quả.*"

Dwyer và Murphy (1996) liệt kê các yếu tố sau: sợ thất bại trước công chúng, sợ mắc sai lầm, thiếu tự tin, trình độ tiếng Anh thấp, và không có khả năng theo kịp người bản ngữ, không thành thạo các quy tắc và chuẩn mực của cuộc trò chuyện tiếng Anh, mất phương hướng, v.v. Theo Burns và Joyce (1997),

các yếu tố văn hóa, ngôn ngữ và cảm xúc là ba nguyên nhân chính khiến sinh viên gặp khó khăn trong việc học ngoại ngữ.

- *Yếu tố văn hóa*: Yếu tố văn hóa là những yếu tố xuất hiện từ kinh nghiệm học tập trước đây của sinh viên cũng như từ những kì vọng được hình thành trên cơ sở của chúng. Sapir (1992, tr.60) cho rằng, ngôn ngữ và văn hóa là hai thực thể: Văn hóa đại diện cho những gì một xã hội nghĩ và làm, trong khi ngôn ngữ của nó thể hiện và thể hiện ý tưởng của xã hội đó. Nói cách khác, nếu người học mong muốn nói tốt một ngôn ngữ, họ phải đánh giá cao cách nó được sử dụng trong bối cảnh xã hội. Yếu tố văn hóa có thể tạo nên phong cách học tập của người học. Chúng có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập của họ. Keefe (1979) định nghĩa phong cách học tập là "các đặc điểm nhận thức, tình cảm và sinh lý là những chỉ số tương đối ổn định về cách người học nhận thức, tương tác và phản ứng với môi trường học tập.". Willing, K. (1987) chia người học thành bốn nhóm dựa trên hành vi của họ: nhóm đầu tiên là những người *học cụ thể* quan tâm đến các khía cạnh xã hội của việc học ngôn ngữ. Thứ hai là những người *học phân tích*, những người thích làm việc riêng lẻ về đọc và ngữ pháp. Thứ ba là *khả năng giao tiếp*: người học sẵn sàng giao tiếp với những người nói khác. Thứ tư là *định hướng thẩm quyền*: người học có xu hướng độc lập và thích làm việc trong lớp học không giao tiếp.

Ellis (1985) phân loại phong cách học tập của người học thành hai loại chính: hướng ngoại và hướng nội. Những người học hướng ngoại sẵn sàng tương tác với người khác hơn những người hướng nội, và vì vậy họ thường thành công hơn trong giao tiếp bằng miệng so với những người còn lại (tr.120).

Điều quan trọng là giáo viên phải xem xét các phong cách học tập khác nhau của sinh viên để cải thiện hiệu suất của chúng trong việc học nói.

- *Yếu tố ngôn ngữ*: Theo Scarcella và Oxford (1992), yếu tố ngôn ngữ (năng lực ngữ pháp) bao gồm cấu trúc ngữ pháp (hình thái, cú pháp), từ vựng và cơ học (âm cơ bản của chữ cái, âm tiết; cách phát âm thích hợp của từ, ngữ điệu và các yếu tố căng thẳng).

Một điều khác liên quan đến yếu tố ngôn ngữ cần được xem xét là tình cảm của ngôn ngữ đầu tiên của người học đối với ngôn ngữ đích về âm thanh, nhịp điệu và các mẫu căng thẳng.

- *Yếu tố cảm xúc*: Các yếu tố khác gây khó khăn cho sinh viên trong việc học ngoại ngữ có thể là động lực thấp, lo lắng trong lớp, trải nghiệm xã hội tiêu cực và sốc văn hóa.

Theo Melton (1990), động lực là một khía cạnh quan trọng có thể quyết định sự thất bại hoặc thành công trong bất kì tình huống học tập nào. Theo quan điểm của Dornyei (2001), động lực bao gồm ba thành phần: các thành phần động lực cụ thể của khóa học, các thành phần động lực cụ thể của giảng viên và các thành phần động lực cụ thể của nhóm. Để tạo động lực thực sự cho sinh viên, giáo viên cần phải đảm bảo cả ba thành phần, đó là rất khó. Nunan (1999) chỉ ra một số lí do chính khiến sinh viên bị hạ thấp động lực như sau: Thiếu thành công theo thời gian/ thiếu nhận thức về sự tiến bộ, giảng dạy không có cảm hứng, nhàm chán, thiếu nhận thức về sự phù hợp của tài liệu, thiếu kiến thức về mục tiêu của chương trình giảng dạy, thiếu phản hồi thích hợp.

Theo Shank & Terril (1995), lo lắng là "*cảm giác chủ quan của căng thẳng, lo lắng, lo lắng và lo lắng liên quan đến sự kích thích của hệ thống thần kinh tự trị*". Zhang (2006) đã liệt kê sáu nguyên nhân chính gây ra lo lắng về ngôn ngữ: tiếng Anh thành thạo thấp, người học sợ sai lầm và bị trêu chọc, quy mô lớp học lớn, không sẵn sàng chấp nhận rủi ro, khả năng chịu đựng mơ hồ thấp, khả năng cạnh tranh kém. Schumann (1998) tuyên bố rằng nguyên nhân của sự lo lắng là sự quên lãng của sinh viên, tránh nói ngôn ngữ, ít tương tác với mọi người, lòng tự trọng thấp, sự tự tin thấp, và cảm thấy không chắc chắn về khả năng của mình.

Như đã trình bày ở trên, các khó khăn từ sinh viên được thay đổi và định nghĩa theo những cách khác nhau. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, các nhà nghiên cứu cho rằng những khó khăn này từ sinh viên bao gồm: phong cách học tập thụ động của sinh viên, động lực thấp của sinh viên, lo lắng của sinh viên và thiếu kiến thức nền tảng và ý tưởng của sinh viên.

2.3. Khó khăn từ các yếu tố khách quan

Khó khăn từ các yếu tố khách quan thường được xác định bởi việc học của sinh viên ở các lớp lớn và đa cấp, sách giáo khoa không thú vị, thiếu tài liệu và cơ sở vật chất cho việc dạy và học ngôn ngữ.

Theo Le Phuoc Ky. (2002), số lượng sinh viên nên được đảm bảo vừa đủ để đảm bảo sự tương tác giữa giáo viên và sinh viên. Trong các lớp học lớn, sinh viên có phong cách học tập, sở thích và mức độ thành thạo tiếng Anh khác nhau. Do đó, giáo viên không thể quan tâm bình đẳng đến tất cả sinh viên trong một lớp lớn và cũng rất khó để giáo viên có thể tổ chức các hoạt động phù hợp cho tất cả sinh viên trong lớp. Ur (1993) có những ý tưởng tương tự rằng giáo viên của các lớp học lớn gặp rất nhiều khó khăn trong việc duy trì kỉ luật, lựa chọn tài liệu phù hợp và kích hoạt sinh viên (tr.303).

Tóm lại, để tạo môi trường học tập ngôn ngữ tốt, nhà trường và các trường đại học nên tổ chức các lớp học quy mô nhỏ với trình độ tiếng Anh của sinh viên tương đương. Tuy nhiên, khá khó để đạt được tình trạng này trong hầu hết các trường hợp ở Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Áp dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp cả định lượng và định tính, nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu những khó khăn của sinh viên không phải chuyên ngành tiếng Anh trong việc học kĩ năng nói tiếng Anh tại Đại học Công nghiệp Hà Nội từ quan điểm của giáo viên. Kết quả của nghiên cứu sẽ trả lời cho hai câu hỏi sau:

- Những khó khăn mà sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh gặp phải khi học kĩ năng nói tiếng Anh theo ý kiến của giáo viên là gì?

- Theo đề xuất của giáo viên, những giải pháp nào để sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh vượt qua những khó khăn đó?

Để thu thập dữ liệu cho nghiên cứu này, 45 giáo viên đã được mời tham gia điền bảng khảo sát. Các giáo viên tham gia khảo sát trực tiếp giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không phải chuyên ngành tiếng Anh hoặc đã có kinh nghiệm giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh để họ có thể hiểu được những khó khăn của sinh viên trong việc học kĩ năng nói. Những giáo viên đó cũng được lựa chọn ngẫu nhiên tham gia thực hiện bảng khảo sát. Các bảng câu hỏi dành cho giáo viên được phát vào giờ giải lao trong phòng của giáo viên, và tất cả họ có thể hoàn thành bảng câu hỏi trong giờ giải lao. Sau khi các bảng câu hỏi này được thu thập, thông tin từ các bảng câu hỏi này sau đó được tóm tắt và trình bày dưới dạng bảng thông tin thống kê để phân tích dữ liệu để tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu và tạo ra một số tác động nếu có thể.

Bên cạnh đó, nhà nghiên cứu cũng thực hiện phỏng vấn nhóm gồm 6 giáo viên trả lời bảng câu hỏi để đưa ra một số giải pháp cho những khó khăn thường gặp nhất của học sinh trong việc học kĩ năng nói tiếng Anh. Sử dụng phỏng vấn bán cấu trúc trong nghiên cứu này, nhà nghiên cứu có thể linh hoạt trong việc thu thập dữ liệu và cũng tiết kiệm thời gian thay vì phỏng vấn từng giáo viên một. Nội dung của cuộc phỏng vấn được ghi lại và chuyển tải thành các văn bản để phân tích dữ liệu. Thông tin từ cuộc phỏng vấn nhóm được phân tích theo các phương pháp định tính.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Những khó khăn thường gặp của sinh viên trong việc học kĩ năng nói

Các yếu tố gây khó khăn trong việc học nói tiếng Anh		Giáo viên	
		Số lượng	Tỉ lệ %
Khó khăn từ phía giáo viên	a. Phương pháp giảng dạy của giáo viên:		
	Thời gian nói của giáo viên quá nhiều	6	13.3
	Phương pháp chữa lỗi của giáo viên không phù hợp	12	26.6
	Vai trò của giáo viên trong lớp chưa phù hợp	12	26.6
	b. Tính cách của giáo viên:		
	Giáo viên không thân thiện	6	13.3
	Giáo viên chưa khích lệ sinh viên đầy đủ	9	20
	Giáo viên không nhiệt tình với sinh viên	3	6.7
Khó khăn từ phía người học	a. Phong cách học thụ động	33	73,3
	b. Động lực học tập thấp	24	53,3
	c. Sự lo lắng, căng thẳng trong giờ học nói	9	20
	d. Sự thiếu hiểu biết, thiếu ý tưởng	12	26.6

	e. Thiếu từ vựng	27	60
	f. Thiếu các cấu trúc ngữ pháp	21	46.7
	g. Phát âm, trọng âm và ngữ điệu kém	42	93.3
	h. Bị ảnh hưởng bởi Tiếng Việt	15	33.3
<i>Khó khăn từ các yếu tố khách quan</i>	a. Lớp học quá đông	30	66,6
	b. Trình độ của sinh viên trong lớp không đồng đều	42	93.3
	c. Giáo trình không thú vị	6	13.3
<i>Ý kiến khác</i>	<i>(Xin hãy làm rõ)</i> : sự lười biếng của sinh viên	27	60

Có thể thấy từ bảng này, giáo viên cho rằng sinh viên của mình gặp khó khăn trong việc học kỹ năng nói vì tác phong học tập và động lực học tập thấp. Tỷ lệ tương ứng là 73,3% và 53,3%. Bảng cũng cho thấy các thầy cô cho rằng sinh viên của mình gặp khó khăn do yếu tố ngôn ngữ chủ yếu là Thiếu vốn từ vựng (60%), thiếu các cấu trúc ngữ pháp (46,7%), và phát âm, trọng âm và ngữ điệu kém (93,3%).

Việc bị ảnh hưởng bởi tiếng Việt cũng là một khó khăn đối với sinh viên, tuy nhiên, họ không cho rằng đó là một vấn đề nghiêm trọng (33,3%).

Về yếu tố khách quan và các yếu tố khác gây khó khăn cho sinh viên, giáo viên đề cập các lý do phổ biến nhất là học tập ở quy mô lớp lớn, lớp đa cấp (tương ứng 66,6% và 93,3%). Bên cạnh đó, 27 trong số 45 giáo viên (60%) cho rằng sinh viên không thể học kỹ năng nói thành công vì quá lười.

4.2. Kết quả từ cuộc phỏng vấn với giáo viên

Các câu trả lời của giáo viên trong các cuộc phỏng vấn được ghi lại và phân tích theo phương pháp định tính. Trong cuộc phỏng vấn, giáo viên biết kết quả của bảng câu hỏi về những khó khăn thường gặp nhất trong việc học kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không phải là người Anh và đề xuất một số giải pháp cho các vấn đề.

Kết quả từ phỏng vấn nhóm cho thấy các yếu tố chính gây khó khăn cho việc học kỹ năng nói của sinh viên không chuyên là tác phong học tập thụ động, sự lười biếng, động lực học tập thấp và trình độ tiếng Anh thấp (bao gồm từ vựng không đầy đủ, cấu trúc, phát âm kém, căng thẳng và ngữ điệu), học tập trong các lớp học lớn và đa cấp độ.

Từ các khó khăn này, các giáo viên đã đưa ra các giải pháp cho năm khó khăn phổ biến nhất trong việc học kỹ năng nói của sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh được đưa ra như sau:

Thứ nhất, đề đổi mới phong cách học thụ động của sinh viên, hầu hết các giáo viên đồng ý rằng họ nên sắp xếp rất nhiều việc làm theo cặp và làm việc theo nhóm trong lớp, cũng như ở nhà. Sinh viên cần được tham gia nhiều hoạt động giao tiếp và các trò chơi liên quan đến các chủ đề thực tế để được thu hút và thúc đẩy trong các bài học. Giáo viên 3 cho biết: “Tôi nghĩ rằng các trò chơi có thể được sử dụng để làm cho các em cạnh tranh và tích cực hơn trong lớp học. Ngoài ra, chúng ta có thể tạo ra các tình huống phù hợp theo chủ đề của bài học để các em có thể trò chuyện thực tế” (Giáo viên 3- phỏng vấn nhóm).

Thứ hai, giáo viên cần nghiêm khắc với sinh viên và giao bài tập về nhà để sinh viên học tập có kế hoạch. Giáo viên nên dành những lời khen, những giải thưởng và những hình phạt để tạo động lực cho sinh viên trong học tập. Và một lần nữa, giáo viên nên tổ chức các hoạt động thú vị để tạo động lực cho sinh viên tham gia vào các hoạt động trên lớp. “Khen thưởng sinh viên luôn đem lại những lợi ích rất lớn, làm cho sinh viên cảm thấy mình tự tin hơn, tạo sự hứng khởi để sinh viên có thể sáng tạo và tập trung trong học tập” (Giáo viên 5- phỏng vấn nhóm).

Thứ ba, với trình độ tiếng Anh thấp của sinh viên, giáo viên đưa ra rất nhiều gợi ý. Sinh viên nên nghiên cứu từ vựng trong các chủ đề, trong các cụm từ để có từ vựng sử dụng trong các cuộc hội thoại đơn giản và nhớ từ tốt hơn. Sinh viên có thể nghe nhạc, đọc tin tức, xem phim bằng tiếng Anh để tạo niềm vui và động lực cho các em trong học tập. Bên cạnh đó, các em cũng được khuyến khích tham gia các lớp học thêm và đến một số câu lạc bộ tiếng Anh, đến một số nơi để cho người nước ngoài thực hành tiếng Anh của họ trong tình hình thực tế. “Giáo viên có thể gợi ý những câu lạc bộ, các hình thức để

sinh viên có thể tham gia, từ đó có cơ hội để trau dồi kỹ năng nói của mình” (Giáo viên 1- phòng văn nhóm).

Với vấn đề cuối cùng của việc học tập trong các lớp học lớn và đa cấp độ, sinh viên cũng được khuyến khích tham gia các lớp học thêm và học tập chăm chỉ để theo kịp các bạn trong lớp. Các giáo viên tham gia phỏng vấn đều đưa ra lời khuyên là khi sinh viên làm các bài kiểm tra thay thế, các em nên làm nghiêm túc để được xếp vào đúng lớp.

5. Kết luận và đề xuất

5.1. Tóm tắt kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm tìm ra những khó khăn trong việc học kỹ năng nói mà các sinh viên tại một trường đại học công lập tại Việt Nam phải đối mặt và đề xuất một số giải pháp để họ khắc phục những vấn đề này. Kết quả thấy tác phong học tập thụ động của sinh viên, sự lười biếng của sinh viên, động lực học tập của sinh viên thấp và trình độ tiếng Anh thấp (bao gồm từ vựng không đầy đủ, cấu trúc, phát âm kém, căng thẳng và ngữ điệu), học tập của sinh viên trong các lớp học lớn và đa cấp là những yếu tố chính gây khó khăn cho sinh viên trong việc học kỹ năng nói.

Nguyên nhân đầu tiên là do phong cách học tập thụ động của sinh viên. Theo ý kiến của các giáo viên, sinh viên không chuyên tại trường còn chưa chủ động trong việc học tập của chính mình. Họ không có quyền tự chủ trong quá trình học tập của mình. Khi học tiếng Anh, các em không có bất kì phương pháp nào hoặc tìm hiểu các phương pháp để học thành công. Ngay cả khi giáo viên bảo các em phải làm gì, học gì, các em cũng quá lười để làm theo yêu cầu và lời khuyên của giáo viên. Câu hỏi đặt ra là giáo viên có động viên, hướng dẫn các em trong quá trình học tập hay không. Đó có thể là lí do tại sao họ cần sự giúp đỡ, khuyến khích từ giáo viên của họ, do đó họ nghĩ rằng giáo viên tiếng Anh của họ cần phải khuyến khích họ nhiều hơn để họ học tập. Nguyên nhân tiếp theo là do động cơ học tập của sinh viên còn thấp. Nhiều sinh viên chỉ học kỹ năng nói tiếng Anh vì đây là môn học bắt buộc ở trường đại học. Họ không nhận ra tầm quan trọng của tiếng Anh đối với họ trong tương lai, sau đó, họ học nó với động lực rất thấp, hoặc không có động lực gì cả. Họ chỉ học nó để vượt qua các kì thi. Vấn đề tiếp theo là trình độ tiếng Anh của sinh viên thấp. Các em chưa có đủ vốn từ vựng, cấu trúc câu để diễn đạt ý tưởng của mình cho người khác hiểu. Bên cạnh đó, cách phát âm, sự căng thẳng và ngữ điệu kém của học sinh khiến các em cảm thấy ngại ngùng, không tự nhiên khi nói. Họ không thể làm cho người khác hiểu họ vì cách phát âm sai của họ. Điều này làm cho họ cũng bị hiểu lầm và miễn cưỡng trong việc nói chuyện. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, việc học trong một lớp học lớn và đa cấp cũng là một khó khăn lớn đối với sinh viên. Thực trạng này không chỉ gây khó khăn cho sinh viên trong học tập mà còn gây khó khăn cho giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động phù hợp và lôi cuốn cả lớp tham gia.

5.2. Một số gợi ý khắc phục khó khăn của học sinh trong học tập kỹ năng nói

- Gợi ý cho giáo viên:

Giáo viên nên cố gắng hết sức để tăng cường phương pháp giảng dạy của mình vì như có thể thấy từ bảng câu hỏi, một số giáo viên vẫn còn lưu ý một số quan niệm sai lầm về CLT. Các em cũng nên cố gắng áp dụng nhiều hoạt động khác nhau cho các hoạt động trong lớp học như: Đóng vai, hoạt động thảo luận, hoạt động chia sẻ ý kiến, hoạt động thu hẹp khoảng cách lí luận, các buổi nói chuyện chuẩn bị... Đây là một số hoạt động cho giáo viên lựa chọn để bài học của họ sẽ không nhàm chán.

Giáo viên cũng nên tạo ra một môi trường lớp học thân thiện, hỗ trợ và thúc đẩy để thúc đẩy sinh viên tự tin và thoải mái hơn với việc dựa dẫm vào tiếng Anh. Tuy nhiên, các ngành học cũng phải được giữ nguyên.

Giáo viên cần xây dựng mối quan hệ tốt với sinh viên; góp ý xây dựng cho học sinh để khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động của lớp.

Giáo viên có thể tổ chức một số câu lạc bộ tiếng Anh để thu hút học sinh tham gia, giúp các em có cơ hội luyện tập tiếng Anh thường xuyên, và sẽ hài hước và hấp dẫn hơn đối với các em.

- Gợi ý cho sinh viên

Sinh viên nên cố gắng tìm hiểu các cách học tiếng Anh hiệu quả cho bản thân vì mỗi sinh viên đều có cách học yêu thích của riêng mình. Các em cũng cần tìm ra những động lực để tự học tiếng Anh. Các em cần rèn luyện bản thân để chăm chỉ hơn trong việc học tiếng Anh. Để nói tiếng Anh tốt, sinh viên

phải cố gắng học từ mới, phát âm chính xác các từ, nghiên cứu cấu trúc mới và áp dụng chúng trong việc nói thông thường bằng cách tham gia các lớp học thêm, tham gia một số câu lạc bộ tiếng Anh, cố gắng kết bạn với người nước ngoài nếu có thể để sử dụng tiếng Anh trong cuộc trò chuyện thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, H. D. (2007), *Principles of Language Learning and Teaching* (5th ed.). San Francisco: Pearson Longman.
2. Burns, A., & Joyce, H. (1997), *Focus on Speaking*. Sydney: NCELTR.
3. Byrne, D. (1986), *Teaching Oral English*. Harlow, Essex, Longman
4. Cook, V. (2000), *Second Language Learning and Language Teaching* (2nd Edition). Beijing: Foreign Language Teaching and Research Press.
5. Dwyer, E., & Heller-Murphy, A. (1996), *Japanese learners in speaking classes*. Edinburgh Working Papers in Applied Linguistics.
6. Ellis, R. (1985), *Understanding Second Language Acquisition*. Oxford: Oxford University Press.
7. Harmer, J. (1999), *The Practice of English Language Teaching*. Malaysia: Longman
8. Keefe, J.W. (1979), *Learning style: An overview*. In J.W. Keefe (Ed.). *Student Learning Styles: Diagnosing And Prescribing Programs*. Reston, VA: National Association of Secondary School Principals. 1-17.
9. Le, H., & Hoang, H. (2014), *Tổng quan nghiên cứu ứng dụng dạy tiếng Anh giao tiếp đại học không chuyên ngữ tại Việt Nam*
1. http://lrc.quangbinhuni.edu.vn:8181/dspace/handle/DHQB_123456789/2848
10. Le Phuoc Ky. (2002), Problems, Solutions, and Advantages of Large Classes. *Teacher's Edition*, 9(9), 8-11.
11. Nunan, D. (1991), *Language teaching methodology*. London, Prentice Hall.
12. Oxford, R. (1990), *Language Learning Strategies: What every teacher should know*. Massachusetts, Heinle & Heinle Publishers.
13. Shank, Cathy C, & Terrill Lynda R. (1995), *Teaching multilevel Adult ESL Classes*. Eric Digests. Washington DC: Adjunct ERIC Clearinghouse for ESL Literacy Education.
14. Tsui, A. (1996), *Recitence and Anxiety in Second Language Learning*. In K. Bailey & D. Nunan (Eds.), *Voices from the Language Classrooms* (pp. 145-167). Cambridge: Cambridge University Press
15. Ur, P. (2000), *A Course in Language Teaching Practice and Theory*. Beijing: Foreign Language Teaching.
16. Willing, K. (1987), *Learning styles in adult migrant education*. Adelaide: National Curriculum Resource Centre.

Difficulties in learning speaking skills faced by non-English major students at Hanoi University of Industry

Abstract: Nowadays, English has played a crucial and essential role in the trend of globalization. English communicative competence is being paid more attention than ever before. However, it is not easy to master this English oral skill well. There have been several research dealing with this issue globally but little has been conducted in Vietnam, especially in higher Vietnamese education context. The research is aimed at finding out the difficulties in learning speaking skill faced by non - English - majored students at a public university in Vietnam with the hope to help non-English majored students to learn English speaking skill better as well as contribute to recent knowledge about this field for future similar researches. Data were gathered from survey questionnaires and semi-structured interviews with English as foreign language (EFL) teachers. The findings obtained from the questionnaires for teachers show that students' passive learning style, students' laziness, students' low motivation and low English level (including inadequate vocabulary, structures, poor pronunciation, stress and intonation), learning in large and multilevel classes are the main factors causing students' difficulties in learning speaking skill. Pedagogical suggestions are also included.

Key words: difficulties; speaking skill; non-English-majored students; communicative competence.